

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ – PT
Ngày: 14 – 01 – 2021
Về việc tranh chấp ly hôn,
cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Đoàn Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 116/2020/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, tài sản chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 525/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6359/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20212/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị L, sinh năm 1964.

Thường trú: Số 09 đường MĐC, phường BN, Quận Y, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 138/29 đường NVC, phường NCT, Quận Y, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Hồng G, Văn phòng Luật sư CP thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Hoàng Đình Th, sinh năm 1965.

Thường trú: Số 09 đường MĐC, phường BN, Quận Y, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 138/29 đường NVC, phường NCT, Quận Y, Thành phố H.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Đào Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Đào Thị L trình bày:

Bà Đào Thị L và ông Hoàng Đình Th tự nguyện chung sống từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BN, Quận Y, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 189, quyển số 01, cấp ngày 14/12/2001. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại gia đình bà L.

Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2004, trong thời gian bà L mang thai cháu Mỹ D thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp tính tình, quan điểm sống, ông Th không chia sẻ với bà L những lúc ốm đau, có lối sống không lành mạnh nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Đầu năm 2008, bà L đã làm đơn xin ly hôn ông Th nhưng chưa nộp tại Tòa án, sau đó vợ chồng tự hòa giải và tiếp tục chung sống. Khoảng giữa năm 2008, cha ruột bà L là ông Đào Trọng Ch cho bà L 80 (Tám mươi) lượng vàng 9999 và 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) để mua nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H (sau đây gọi tắt nhà số 126 đường 28) và vợ chồng ra sống riêng. Đến tháng 3 năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt. Ông Th thường xuyên đánh đập, chửi mắng, chì chiết hai mẹ con bà L thậm tệ. Ngoài ra, ông Th còn công khai quan hệ tình cảm với người phụ nữ bán vật liệu xây dựng để xây nhà số 126 đường 28, khai khống tiền mua vật liệu xây nhà nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong thời gian sống chung, ông Th không chịu đi làm nên mọi chi phí trong gia đình đều do bà L gánh vác, không chia sẻ các công việc trong gia đình, không cho bà L nghỉ ngơi. Trong tháng 8 năm 2019, bà L và cháu Mỹ D bị ông Th đánh đập, gây thương tích tới 03 lần. Do đó, ông Th đã bị Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận X, Thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng công cụ, phương tiện hoặc các vật dụng khác gây thương tích cho thành viên trong gia đình theo Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 21/8/2019. Bà Đào Thị L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Hoàng Đình Th.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Đào Mỹ D, sinh ngày 04/3/2004. Bà Đào Thị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên, yêu cầu ông Hoàng Đình Th cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Bà Đào Thị L xác định trong thời gian sống chung, bà L và ông Hoàng Đình Th có các tài sản chung gồm:

+ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, biển kiểm soát 59-T2 304.32 do ông Hoàng Đình Th đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô, xe máy. Theo kết quả thẩm định giá số 0779520/BC-TV ngày 29/6/2020 của Công ty Cổ phần Định giá và Đầu tư Kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng (sau đây gọi là Kết quả thẩm định giá số 0779520 của Công ty Thịnh Vượng) thì giá trị của xe mô tô trên là 94.172.000đ (Chín mươi bốn triệu một trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Jiulong 100, biển kiểm soát 59-T2 014.27 do ông Hoàng Đình Th đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô, xe máy. Theo Kết quả thẩm

định giá số 0779520 của Công ty Thịnh Vượng thì giá trị của xe mô tô trên là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 59T1-088.01 do ông Hoàng Đình Th đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô, xe máy. Bà Đào Thị L không tranh chấp tài sản này.

+ Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại địa chỉ số 126 đường số 28 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH21611 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 07/4/2014 (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận số CH21611). Theo Kết quả thẩm định giá số 0779520 của Công ty Thịnh Vượng thì giá trị quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ trên là 7.623.141.504đ (Bảy tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi một ngàn năm trăm lẻ bốn đồng).

Tổng giá trị tài sản chung bà L tranh chấp có giá trị là: 94.172.000đ + 2.500.000đ + 7.623.141.504đ = 7.719.813.504đ (Bảy tỷ bảy trăm mười chín triệu tám trăm mười ba ngàn năm trăm lẻ bốn đồng). Nay, bà Đào Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Chia đôi giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, biển kiểm soát 59-T2 304.32, mỗi bên nhận $\frac{1}{2}$ giá trị, cụ thể là $94.172.000đ/2 = 47.086.000đ$ (Bốn mươi bảy triệu không trăm tám mươi sáu ngàn đồng); chia đôi giá trị xe mô tô nhãn hiệu Jiulong 100, biển kiểm soát 59-T2 014.27, mỗi bên nhận $\frac{1}{2}$ giá trị, cụ thể là $2.500.000đ/2 = 1.250.000đ$ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

2. Về giá trị quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ số 126 đường số 28: Bà L yêu cầu được chia $\frac{2}{3}$ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, ông Th được chia $\frac{1}{3}$ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất do bà L có công sức đóng góp nhiều hơn ông Th. Hiện nay, bà L và con chung Hoàng Đào Mỹ D cần chỗ ở để ổn định cuộc sống, học tập của con chung nên bà L yêu cầu được nhận căn nhà trên, bà L đồng ý hoàn số tiền tương đương $\frac{1}{3}$ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Th là: $7.623.141.504đ/3 = 2.541.047.168đ$ (Hai tỷ năm trăm bốn mươi một triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi tám đồng). Ngoài ra, bà L yêu cầu ông Th phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định giá các tài sản tranh chấp là 15.500.500đ (Mười lăm triệu năm trăm ngàn năm trăm đồng).

Về nợ chung: Bà Đào Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Đình Th trình bày:

Ông Th xác nhận lời trình bày của bà Đào Thị L về thời gian chung sống, quan hệ hôn nhân, con chung là đúng. Tuy nhiên, ông Th không thống nhất lời trình bày của bà L về thời điểm phát sinh và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Việc bà L cho rằng ông Th không có trách nhiệm với vợ con, không quan tâm chăm sóc gia đình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là không đúng. Theo ông Th, mâu thuẫn vợ chồng chỉ phát sinh từ tháng 3 năm 2019 do bà L không tin tưởng ông Th trong việc mua vật tư xây nhà số 126 đường 28 và nghi ngờ ông Th có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Bà L là người thiếu bản lĩnh trong cuộc sống, mê tín dị đoan, hay nghe người

ngoài xúi giục. Ông Th thừa nhận vào chiều ngày 05/8/2019, ông Th có dùng que nhôm dài gần một mét đánh vào chân con gái Mỹ D do Mỹ D nói chuyện hỗn láo với ông Th. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bà L đi ra ngoài về có nghe Mỹ D báo lại sự việc nên bà L mời Công an Phường 10, Quận X, Thành phố H đến nhà làm việc. Do không đồng ý với cách làm việc của Công an Phường 10, Quận X, Thành phố H, ông Th có thái độ gay gắt nên bị Công an Phường 10, Quận X, Thành phố H còng tay, đánh ông Th gây thương tích phải đi Bệnh viện điều trị. Nay, vì tương lai của con chung và mong muốn gia đình được đoàn tụ nên ông Hoàng Đình Th không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đào Thị L.

Về con chung: Giả sử, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Hoàng Đình Th đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của con chung Hoàng Đào Mỹ D, sinh ngày 04/3/2004. Tuy nhiên, ông Th không đồng ý việc bà L yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên do ông Th không có công việc ổn định. Từ ngày 19/8/2019, ông Th có tham gia Hội Luật gia Quận Y, Thành phố H mà không hành nghề Luật sư, thu nhập tháng có, tháng không nên ông Th không tính được thu nhập bình quân mỗi tháng. Do đó, ông Th không có khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà L.

Về tài sản chung: Ông Hoàng Đình Th xác định trong thời gian sống chung, ông Th và bà L có các tài sản chung gồm:

- + 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, biển kiểm soát 59-T2 304.32 do ông Th đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô, xe máy. Ông Th không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị xe theo yêu cầu của bà L.

- + 01 xe mô tô nhãn hiệu Jialong 100, biển kiểm soát 59-T2 014.27 do ông Th đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô, xe máy. Ông Th không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị xe theo yêu cầu của bà L.

- + 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 59T1-088.01 do ông Th đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô, xe máy. Bà L không tranh chấp tài sản này.

- + Nhà, đất số 126 đường số 28: Ông Th xác nhận vào năm 2008, cha ruột bà L cho vợ chồng ông Th, bà L 77 (Bảy mươi bảy) lượng vàng 9999 và 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) để mua nhà, đất nêu trên. Năm 2019, trong quá trình xây dựng lại nhà số 126 đường 28, ông Th đã đóng góp toàn bộ số tiền chuyển nhượng phần quyền sử dụng đất thừa kế của ông Th được chia ở tỉnh NA với số tiền 1.360.000.000đ (Một tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng) để mua vật liệu xây dựng nhà. Do đó, ông Th không đồng ý để Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền chia tài sản chung theo yêu cầu của bà L. Ông Th đề nghị Tòa án cho vợ chồng ông Th tự thỏa thuận chia giá trị nhà, đất trên.

Về nợ chung: Ông Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đào Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Hoàng Đình Th, yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Hoàng Đào Mỹ D, sinh ngày 04/3/2004 cho đến khi con chung thành niên. Bà L rút lại yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do bà L, ông Th tự thỏa thuận thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Về tài sản chung: Bà Đào Thị L yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giao xe mô tô nhãn hiệu Jiulong 100, biển kiểm soát 59-T2 014.27 trị giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) cho bà L sở hữu; giao xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, biển kiểm soát 59-T2 304.32 trị giá 94.172.000đ (chín mươi bốn triệu một trăm bảy mươi hai ngàn đồng) cho ông Th sở hữu; ông Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà L giá trị chênh lệch của chiếc xe ông được sở hữu; chia cho bà L 2/3 giá trị nhà, đất số 126 đường số 28; chia cho ông Th 1/3 giá trị nhà, đất số 126 đường số 28 và giao nhà, đất trên cho bà L sở hữu, bà L đồng ý thanh toán 1/3 giá trị nhà, đất ông Th được chia. Đồng thời, bà L yêu cầu ông Th phải chịu chi phí thẩm định giá tài sản tranh chấp theo tỷ lệ tài sản được chia, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà L và ông Th trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hai bên sẽ thực hiện việc giao, nhận giá trị chênh lệch, bàn giao tài sản được chia và chi phí thẩm định giá. Về nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Hoàng Đình Th vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 525/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H đã quyết định:

- Về hôn nhân: Cho bà Đào Thị L được ly hôn ông Hoàng Đình Th. Giấy chứng nhận kết hôn số 189, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường BN, Quận Y, Thành phố H cấp ngày 14/12/2001 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

- + Giao con chung tên Hoàng Đào Mỹ D, sinh ngày 04/3/2004 cho bà Đào Thị L nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do bà Đào Thị L và ông Hoàng Đình Th tự thỏa thuận thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hoàng Đình Th có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Đào Thị L và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Hoàng Đình Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Đào Thị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Hoàng Đình Th.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- + Đình chỉ yêu cầu ông Hoàng Đình Th cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng từ tháng 8 năm 2019 đến khi thành niên do bà Đào Thị L rút yêu cầu khởi kiện.

- Xác định tài sản chung của bà Đào Thị L và ông Hoàng Đình Th có trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- + Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jiulong 100, biển kiểm soát 59-T2 014.27 do ông Hoàng Đình Th đứng tên trên giấy đăng ký xe số 043392 do Công an Quận Y, Thành phố H cấp ngày 11/4/2017, trị giá 2.500.000đ (Hai triệu năm

trăm ngàn đồng).

+ Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, biển kiểm soát 59-T2 304.32 do ông Hoàng Đình Th đứng tên trên giấy khai đăng ký xe ngày 21/6/2019 được lưu trữ tại Công an Quận Y, Thành phố H, trị giá 94.172.000đ (Chín mươi bốn triệu một trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

+ Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 59T1-088.01 do ông Hoàng Đình Th đứng tên trên giấy đăng ký xe số 031595 do Công an Quận Y, Thành phố H cấp ngày 20/01/2011. Bà Đào Thị L không tranh chấp tài sản này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

+ Nhà, đất số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H được Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH21611 ngày 07/4/2014, trị giá 7.623.141.504đ (bảy tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi một ngàn năm trăm lẻ bốn đồng).

Tổng giá trị tài sản chung tranh chấp là 7.719.813.504đ (Bảy tỷ bảy trăm mười chín triệu tám trăm mười ba ngàn năm trăm lẻ bốn đồng).

- Về cách phân chia tài sản chung:

+ Bà Đào Thị L được sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Jiulong 100, biển kiểm soát 59-T2 014.27 và được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi tên chủ sở hữu trên giấy đăng ký xe ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Ông Hoàng Đình Th được sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, biển kiểm soát 59-T2 304.32 và có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đào Thị L phần giá trị chênh lệch với số tiền 45.836.000đ (Bốn mươi lăm triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng) trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Bà Đào Thị L được chia 60% giá trị nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H, tương đương số tiền 4.573.884.902đ (Bốn tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm lẻ hai đồng).

+ Ông Hoàng Đình Th được chia 40% giá trị nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H, tương đương số tiền 3.049.256.602đ (Ba tỷ không trăm bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm lẻ hai đồng).

+ Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đào Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Đình Th 40% giá trị nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H và bà L được nhận toàn bộ nhà, đất nêu trên; ông Hoàng Đình Th có nghĩa vụ bàn giao toàn bộ nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H cho bà Đào Thị L và nhận 40% giá trị nhà, đất nêu trên.

+ Bà Đào Thị L được trọn quyền sở hữu nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H sau khi thanh toán xong cho ông Hoàng Đình Th 40% giá trị nhà, đất nêu trên và được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

+ Hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, một hoặc cả hai bên bà Đào Thị L, ông Hoàng Đình Th có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H và chia giá trị nhà, đất tại thời điểm phát mãi theo tỷ lệ được phân chia.

Kể từ ngày người được thi hành án là bà Đào Thị L hoặc ông Hoàng Đình Th có đơn yêu cầu thi hành án gửi cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc chậm thực hiện thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về nợ chung: Bà Đào Thị L và ông Hoàng Đình Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đào Thị L đồng ý trả cho ông Hoàng Đình Th ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật các bản chính: Giấy chứng nhận ông Hoàng Đình Th đã hoàn tất học phần MS.WORD for WINDOWS do Trường Đại học Sư phạm Thành phố H cấp ngày 25/8/1997; Giấy chứng nhận ông Hoàng Đình Th đã hoàn tất học phần ACCESS 1 do Trường Đại học Sư phạm Thành phố H cấp ngày 31/10/1997; Giấy chứng nhận ông Hoàng Đình Th đã hoàn tất học phần Điện toán căn bản: DOS – WIN3.1 do Trường Đại học Sư phạm Thành phố H cấp ngày 20/4/1998; Giấy chứng nhận ông Hoàng Đình Th đã hoàn tất học phần xử lý bảng tính (EXCEL 5.0) do Trường Đại học Sư phạm Thành phố H cấp ngày 20/4/1998; Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A do Trường Đại học Sư phạm Thành phố H cấp cho ông Hoàng Đình Th ngày 04/5/1998; Bằng tốt nghiệp Đại học do Trường Đại học Luật HN cấp cho ông Hoàng Đình Th số B08958 ngày 20/6/2000 và Chứng chỉ tốt nghiệp Khóa đào tạo nghề Luật sư do Học viện Tư pháp cấp cho ông Hoàng Đình Th số 02853/2005/LS ngày 30/9/2005.

- Chi phí thẩm định giá tài sản tranh chấp:

+ Bà Đào Thị L phải chịu 60% chi phí thẩm định giá tài sản là 9.300.000đ (Chín triệu ba trăm ngàn đồng). Bà L đã nộp đủ số tiền trên.

+ Ông Hoàng Đình Th phải chịu 40% chi phí thẩm định giá tài sản là 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Ông Th có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho bà L trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2020, bà Đào Thị L kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét các yêu cầu sau:

- Buộc ông Hoàng Đình Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi trẻ Hoàng Đào Mỹ D trưởng thành, thi hành một lần trừ trực tiếp vào số tiền ông Hoàng Đình Th được chia tài sản chung.

- Yêu cầu đối chất số tiền 10.500USD bà L đã đưa cho ông Th gửi tiết kiệm

để xây dựng nhà số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H.

- Bà Đào Thị L yêu cầu được chia 2/3 giá trị căn nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H, đồng ý chia cho ông Hoàng Đình Th 1/3 giá trị căn nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H.

- Yêu cầu tính án phí tố tụng và chia bà L chịu $\frac{1}{2}$, ông Th chịu $\frac{1}{2}$.

Ngày 11/12/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đào Thị L xác định yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa Bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

- Buộc ông Hoàng Đình Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi trẻ Hoàng Đào Mỹ D trưởng thành, thi hành một lần trừ trực tiếp vào số tiền ông Hoàng Đình Th được chia tài sản chung.

- Bà Đào Thị L yêu cầu được chia 2/3 giá trị căn nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H, đồng ý chia cho ông Hoàng Đình Th 1/3 giá trị căn nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Hoàng Đình Th không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị L, yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đào Thị L trình bày:

Trong quá trình chung sống, bà L có việc làm ổn định, mọi việc gia đình và kinh tế gia đình đều do bà L gánh vác; ông Th không có việc làm, không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình.

Hiện nay con chung giữa bà L và ông Th đang học cấp 3, chi phí rất nhiều, bà L mới về hưu nên khó khăn trong chi phí sinh hoạt gia đình, học hành của con. Bà L yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi trẻ Hoàng Đào Mỹ D trưởng thành, thi hành một lần trừ trực tiếp vào số tiền ông Hoàng Đình Th được chia tài sản chung là có căn cứ.

Về tài sản chung: Nhà đất tại số 126 đường số 28 Phường 10, Quận X, Thành phố H được bà L, ông Th mua trong thời kỳ hôn nhân nhưng tiền mua nhà là do ông Đào Trọng C là cha ruột của bà L cho riêng bà L 80 (Tám mươi) lượng vàng 9999 và 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), không có tài liệu chứng minh số vàng và tiền này là cho chung vợ chồng bà L. Năm 2007, bà L đã làm giấy đồng ý để ông Th về quê ở tỉnh NA để nhận phần đất được gia đình bên chồng cho vợ chồng và ông Th đã bán phần đất này góp 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) để xây dựng căn nhà số 126 đường số 28 Phường 10, Quận X, Thành phố H vào năm 2019. Như vậy, công sức đóng góp của bà L để tạo dựng căn nhà số 126 đường số 28 Phường 10, Quận X, Thành phố H nhiều hơn ông Th.

Từ những luận cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị L.

Ông Hoàng Đình Th tranh luận: Ông Th đã làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình; Luật sư trình bày nhưng không có tài liệu chứng minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá

trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp phúc thẩm, xem xét đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ Khoản 1 Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố H có Thông báo về việc thụ lý vụ án phúc thẩm cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và đương sự.

Căn cứ Điều 290 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố H có Quyết định đưa vụ án ra xét xử gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và các đương sự.

Hồ sơ vụ án cũng đã được chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thực hiện việc tổng đạt các Quyết định cho các bên đương sự đầy đủ.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 297, Điều 298, Điều 301, Điều 302, Điều 303 và Điều 305 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phần thủ tục, phần hỏi, phần tranh luận.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự:

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo:

Về thời hạn kháng cáo:

Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H tuyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 525/2020/HNGĐ-ST ngày 04/9/2020. Ngày 21/9/2020, bà Đào Thị L có đơn kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đơn kháng cáo của đương sự còn trong hạn luật định.

5. Về nội dung kháng cáo:

+ Về phần yêu cầu cấp dưỡng: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/9/2020, bà L rút lại yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), tính từ tháng 8/2019 cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do bà L, ông Th tự thỏa thuận thực hiện, không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó, tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 525/2020/HNGĐ-ST ngày 04/9/2020 đã quyết định: "*Đình chỉ yêu cầu ông Hoàng Đình Th cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/ tháng từ tháng 8/2019 cho đến khi thành niên do bà Đào Thị L rút yêu cầu khởi kiện.*". Việc rút yêu cầu cấp dưỡng là trên tinh thần tự nguyện của bà L. Nay bà L yêu cầu kháng cáo về phần cấp dưỡng là không có cơ sở để

xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là trẻ Hoàng Đào Mỹ D bắt đầu từ hôm nay mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con thành niên. Xét thấy sự tự nguyện này của ông Th là không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, ông Th là cha có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung, nên sự tự nguyện này của ông Th là có cơ sở ghi nhận.

+ Về phần giá trị nhà, đất số 126 đường 28, phường 10, Quận X, Thành phố H:

Xét tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đào Thị L thống nhất với lời trình bày của bị đơn ông Hoàng Đình Th về số vàng và tiền mà cha ruột của bà L đã cho vào năm 2008 để mua nhà số 126 đường 28 là 77 (Bảy mươi bảy) lượng vàng 9999 và 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), toàn bộ số tiền và vàng bà L giao cho ông Th quản lý, khi giao không cho ông Th ký nhận và cũng không có văn bản xác nhận đây là tài sản được tặng cho riêng bà L. Về số tiền xây dựng lại nhà: Tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2020, ông Th trình bày đã đóng góp toàn bộ số tiền chuyển nhượng phần quyền sử dụng đất thừa kế của ông được chia ở tỉnh NA là 1.360.000.000đ (Một tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng) để mua vật liệu xây nhà. Tuy nhiên bà L chỉ thừa nhận ông Th đóng góp 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) vào để mua vật liệu xây nhà, ông Th cũng không có tài liệu nào chứng minh đã đóng góp toàn bộ số tiền 1.360.000.000đ (Một tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng) cho việc mua vật liệu xây dựng nhà. Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất ngày 08/7/2008 về giao dịch chuyển nhượng căn nhà, đất số 126 đường 28, bên nhận chuyển nhượng có tên ông Hoàng Đình Th và bà Đào Thị L và đã được đăng bộ sang tên ngày 06/8/2008; tại đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất năm 2014, tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất vẫn có tên ông Hoàng Đình Th và bà Đào Thị L. Như vậy, bà L và ông Th đã tự nguyện xác lập tài sản riêng vào tài sản chung, cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp giấy chứng nhận CH21611 ngày 07/4/2014 nên có căn cứ xác định nhà, đất số 126 đường 28 là tài sản chung của bà Đào Thị L và ông Hoàng Đình Th tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ trong vụ án và sự thừa nhận của hai bên có cơ sở xác định tiền mua nhà đất số 126 đường 28 là do cha ruột bà Đào Thị L cho vào năm 2008 và đến năm 2019, ông Th có đóng góp 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) vào việc xây dựng nhà nên bà L có công sức đóng góp vào việc tạo lập tài sản chung này nhiều hơn ông Th. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào công sức đóng góp của hai bên, quyết định cho bà Đào Thị L được chia 60%, ông Hoàng Đình Th được chia 40% giá trị nhà đất là hợp lý. Do đó, bà L kháng cáo yêu cầu chia cho bà L 2/3, ông Th 1/3 giá trị nhà đất là không có cơ sở chấp nhận phần kháng cáo này của bà L.

+ Xét kháng cáo của bà L về phần án phí cũng như kháng cáo yêu cầu Tòa án cho đối chất về số tiền 10.500USD vì đó là tiền lương của bà L đưa ông Th góp để gửi tiết kiệm xây lại nhà số 126 đường 28 Phường 10, Quận X. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà L đồng ý rút kháng cáo 2 phần này nên căn cứ Khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo

này.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà L có yêu cầu thẩm định lại giá nhà đất. Xét thấy, nhà đất trên mới được định giá vào tháng 6/2020. Công ty thực hiện thẩm định giá là do bà L yêu cầu, sau khi thẩm định giá xong bà L không khiếu nại gì và đồng ý lấy giá thẩm định làm căn cứ xét xử. Vì vậy việc bà L yêu cầu thẩm định lại giá nhà nhưng không xuất trình được chứng cứ nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đào Thị L.

Bởi các lẽ trên,

Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị L.

- Sửa một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 525/2020/HNGĐ-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H theo hướng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Th về việc cấp dưỡng nuôi con là trẻ Hoàng Đào Mỹ D bắt đầu từ hôm nay mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo ngày 21/9/2020 của nguyên đơn bà Đào Thị L làm trong hạn luật định và bà Đào Thị L đã thực hiện nghĩa vụ của người kháng cáo phù hợp với các quy định tại Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Xét tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đào Thị L đã rút một phần kháng cáo về: Yêu cầu đổi chất số tiền 10.500USD bà L đã đưa cho ông Th gửi tiết kiệm để xây dựng nhà số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H; Yêu cầu tính án phí tố tụng và chia bà L chịu $\frac{1}{2}$, ông Th chịu $\frac{1}{2}$. Căn cứ Khoản 3 Điều 284, Điểm c Khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo này của bà L.

III. Xét kháng cáo còn lại của bà Đào Thị L:

[1] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đào Thị L rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, cấp sơ thẩm đã đình chỉ, không xem xét yêu cầu này của bà Liên nên cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Đình Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi trẻ Hoàng Đào Mỹ D tròn 18 tuổi, bà L đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), đây là tình tiết mới tại phiên tòa. Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của trẻ Hoàng Đào Mỹ D và cũng là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, đảm bảo việc giải quyết vụ án khách quan, toàn diện; xét thấy sự tự nguyện của ông Hoàng Đình Th không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp

Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 525/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H về cấp dưỡng nuôi con.

[2] Về chia tài sản chung của vợ chồng là bất động sản: Tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà, đất tại số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H, diện tích đất 72m² thuộc thửa số 19 tờ bản đồ số 6, đã được Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đào Thị L, ông Hoàng Đình Th số BP298837 vào sổ cấp giấy chứng nhận CH21611 ngày 07/4/2014; đã được xây dựng lại vào tháng 3/2019 theo bản vẽ xin phép xây dựng ngày 10/01/2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Tin học Xây dựng Minh Khôi, diện tích xây dựng 283,20m², kết cấu: Sàn BTCT, tường gạch, mái BTCT, nhà 4 tầng, chưa hoàn thành thủ tục hoàn công. Bà Đào Thị L kháng cáo, yêu cầu được chia 2/3 (tương đương 66.66%) giá trị nhà, đất số 126 đường 28; chia cho ông Th 1/3 (tương đương 33.34%) giá trị nhà, đất số 126 đường 28, Xét thấy:

Căn nhà, đất tại số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H, diện tích đất 72m² thuộc thửa số 19 tờ bản đồ số 6, đã được Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đào Thị L, ông Hoàng Đình Th số BP298837 vào sổ cấp giấy chứng nhận CH21611 ngày 07/4/2014; đã được xây dựng lại vào tháng 3/2019 theo bản vẽ xin phép xây dựng ngày 10/01/2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Tin học Xây dựng Minh Khôi, diện tích xây dựng 283,20m², kết cấu: Sàn BTCT, tường gạch, mái BTCT, nhà 4 tầng, chưa hoàn thành thủ tục hoàn công; bà L và ông Th thừa nhận là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bà L, ông Th trong thời kỳ hôn nhân.

Xét công sức đóng góp của bà Đào Thị L và ông Hoàng Đình Th trong tài sản chung là căn nhà, đất số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H:

Đối với bà Đào Thị L: Bà L trình bày vào năm 2008 cha ruột của bà L là ông Đào Trọng C có cho riêng bà L 80 (Tám mươi) lượng vàng 9999 và 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) để mua nhà số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H, trước đây bà L không nghĩ đến việc tranh chấp tài sản nên khi bà L giao số vàng và tiền này cho ông Th thì bà L và ông Th không lập văn bản xác định tài sản riêng và lập biên bản giao nhận nên bà L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày đã được cha ruột cho 80 (Tám mươi) lượng vàng 9999 và 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông Th chỉ xác nhận cha ruột của bà L cho vợ chồng 77 (Bảy mươi bảy) lượng vàng 9999 và 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) để mua nhà số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H, bà L đã đồng ý. Như vậy, bà L cho rằng số tiền và vàng cha ruột cho riêng bà L là không có căn cứ, tuy nhiên phải thừa nhận bà L, ông Th mua nhà số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H từ nguồn tiền và vàng của cha ruột bà L

là ông Đào Trọng C cho.

Đối với ông Hoàng Đình Th: Ông Th trình bày năm 2018, ông Th đã chuyển nhượng phần di sản thừa kế của mình được chia ở tỉnh NA được số tiền 1.360.000.000đ (Một tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng), đã đóng góp toàn bộ số tiền này để mua vật liệu xây dựng nhà số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H vào năm 2019 nhưng ông Th không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà L chỉ thừa nhận ông Th có đóng góp 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) để xây nhà. Sự thừa nhận của bà L có cơ sở xác định ông Th đã đóng góp số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) vào tài sản chung bằng cách mua vật liệu xây dựng nhà số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H vào năm 2019.

Cấp sơ thẩm đã xem xét việc đóng góp của hai bên đương sự trong việc tạo lập khối tài sản chung là căn nhà, đất tại số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H từ thời điểm hình thành, việc duy trì, phát triển khối tài sản chung từ đó cho đến nay và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, đã xác định bà L có công sức đóng góp nhiều hơn ông Th và đã chia cho bà L 60% giá trị nhà, đất số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H; chia cho ông Th 40% giá trị nhà, đất số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H là hợp lý, hợp tình, đúng quy định tại Khoản 2 và Khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà L kháng cáo yêu cầu được chia 2/3 (tương đương 66.66%) giá trị nhà, đất số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H; chia cho ông Th 1/3 (tương đương 33.34%) giá trị nhà, đất nêu trên nhưng bà L không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh ngoài các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được cấp sơ thẩm xem xét nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.

[3]. Xét yêu cầu của bà L về việc đo vẽ, định giá lại căn nhà, đất tại số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H, vì bà L cho rằng Chứng thư thẩm định giá số 0770520/CT – TV ngày 29/6/2020 của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng là chưa chính xác vì tại thời điểm thẩm định giá chỉ trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP298837 vào sổ cấp giấy chứng nhận CH21611 ngày 07/4/2014 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp, chưa xem xét giá trị xây dựng mới vào tháng 3/2019. Xét thấy:

Tại Chứng thư thẩm định giá số 0770520/CT – TV ngày 29/6/2020 của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng đã thẩm định công trình xây dựng trên đất tại số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H là nhà trệt + lửng + 02 lầu + sân thượng; kết cấu chung: Móng BTCT, tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT; diện tích sàn xây dựng là 283,20m² theo bản vẽ xin phép xây dựng ngày 10/01/2019 của Công ty TNHH Dịch vụ tin học xây dựng Minh Khôi do bà L cung cấp. Đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP298837 vào sổ

cấp giấy chứng nhận CH21611 ngày 07/4/2014 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp thì có sự chênh lệch diện tích sàn xây dựng trong giấy chứng nhận là 124,80m² so với diện tích sàn xây dựng thực tế là 283,20m². Như vậy, tại thời điểm thẩm định tháng 6/2020, Công ty thẩm định đã thẩm định phần công trình xây dựng trên đất trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP298837 vào sổ cấp giấy chứng nhận CH21611 ngày 07/4/2014 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp và hiện trạng thực tế công trình xây dựng do bà L, ông Th sửa chữa, xây dựng vào tháng 3/2019. Công ty thực hiện thẩm định giá là do bà L yêu cầu, sau khi thẩm định giá xong bà L không khiếu nại gì và đồng ý lấy giá thẩm định làm căn cứ xét xử. Bà L yêu cầu thẩm định lại giá nhà nhưng không xuất trình được chứng cứ nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà L về việc đo vẽ, định giá lại căn nhà, đất tại số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H.

[4]. Xét trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đào Thị L:

Như nhận định nêu trên, xét thấy không có cơ sở nên không chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị L.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Đào Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 525/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5, Khoản 1 Điều 148, Điều 271, 272, 273, 276, Khoản 3 Điều 284, Điểm c Khoản 1 Điều 289, Điều 293, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị L về yêu cầu bồi chi số tiền 10.500USD bà L đã đưa cho ông Th gửi tiết kiệm để xây dựng nhà số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H; yêu cầu tính án phí tố tụng và chia bà L chịu ½, ông Th chịu ½.

II. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo còn lại của nguyên đơn bà Đào Thị L.

III. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hoàng Đình Th về cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên; Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số

525/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị L ly hôn ông Hoàng Đình Th. Giấy chứng nhận kết hôn số 189, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường BN, Quận Y, Thành phố H cấp ngày 14/12/2001 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Đào Mỹ D, sinh ngày 04/3/2004.

+ Giao con chung chưa thành niên tên Hoàng Đào Mỹ D, sinh ngày 04/3/2004 cho bà Đào Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hoàng Đình Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho trẻ Hoàng Đào Mỹ D mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), thi hành ngay khi tuyên án phúc thẩm cho đến khi con chung trẻ Hoàng Đào Mỹ D tròn 18 tuổi.

Việc giao nhận con chung tên Hoàng Đào Mỹ D và tiền cấp dưỡng nuôi con do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Kể từ ngày bà Đào Thị L có đơn yêu cầu thi hành án tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông Hoàng Đình Th chưa hoặc không thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Hoàng Đình Th có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Đào Thị L và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Hoàng Đình Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Đào Thị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Hoàng Đình Th.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Xác định tài sản chung của bà Đào Thị L và ông Hoàng Đình Th có trong thời kỳ hôn nhân gồm:

+ Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jiulong 100, biển kiểm soát 59-T2 014.27 do ông Hoàng Đình Th đứng tên trên giấy đăng ký xe số 043392 do Công an Quận Y, Thành phố H cấp ngày 11/4/2017, trị giá 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, biển kiểm soát 59-T2 304.32 do ông Hoàng Đình Th đứng tên trên giấy khai đăng ký xe ngày 21/6/2019 được lưu trữ tại Công an Quận Y, Thành phố H, trị giá 94.172.000đ (Chín mươi bốn triệu một trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

+ Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 59T1-088.01 do ông

Hoàng Đình Th đứng tên trên giấy đăng ký xe số 031595 do Công an Quận Y, Thành phố H cấp ngày 20/01/2011. Bà Đào Thị L không tranh chấp tài sản này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

+ Nhà, đất số 126 đường số 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H, diện tích đất 72m² thuộc thửa số 19 tờ bản đồ số 6, đã được Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đào Thị L, ông Hoàng Đình Th số BP298837 vào sổ cấp giấy chứng nhận CH21611 ngày 07/4/2014; đã được xây dựng lại vào tháng 3/2019 theo bản vẽ xin phép xây dựng ngày 10/01/2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Tin học Xây dựng Minh Khôi, diện tích xây dựng 283,20m², kết cấu: Sàn BTCT, tường gạch, mái BTCT, nhà 4 tầng, chưa hoàn thành thủ tục hoàn công. Trị giá 7.623.141.504đ (Bảy tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi một ngàn năm trăm lẻ bốn đồng).

Tổng giá trị tài sản chung tranh chấp là 7.719.813.504đ (Bảy tỷ bảy trăm mười chín triệu tám trăm mười ba ngàn năm trăm lẻ bốn đồng).

- Về phân chia tài sản chung:

+ Bà Đào Thị L được sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Jiulong 100, biển kiểm soát 59-T2 014.27 và được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi tên chủ sở hữu trên giấy đăng ký xe ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Ông Hoàng Đình Th được sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, biển kiểm soát 59-T2 304.32 và có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đào Thị L phần giá trị chênh lệch với số tiền 45.836.000đ (Bốn mươi lăm triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng) trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Bà Đào Thị L được chia 60% giá trị nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H, tương đương số tiền 4.573.884.902đ (Bốn tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm lẻ hai đồng).

+ Ông Hoàng Đình Th được chia 40% giá trị nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H, tương đương số tiền 3.049.256.602đ (Ba tỷ không trăm bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm lẻ hai đồng).

+ Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đào Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Đình Th 40% giá trị nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H và bà L được nhận toàn bộ nhà, đất nêu trên; ông Hoàng Đình Th có nghĩa vụ bàn giao toàn bộ nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H cho bà Đào Thị L ngay khi nhận 40% giá trị nhà, đất nêu trên.

+ Bà Đào Thị L được trọn quyền sở hữu nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H, diện tích đất 72m² thuộc thửa số 19 tờ bản đồ số 6, đã được Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đào Thị L, ông Hoàng Đình Th số BP298837 vào sổ cấp giấy chứng nhận CH21611 ngày 07/4/2014; đã được xây dựng lại vào tháng 3/2019 theo bản vẽ xin phép xây dựng ngày 10/01/2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Tin học Xây

dựng Minh Khôi, diện tích xây dựng 283,20m², kết cấu: Sàn BTCT, tường gạch, mái BTCT, nhà 4 tầng, chưa hoàn thành thủ tục hoàn công, ngay khi thanh toán xong cho ông Hoàng Đình Th 40% giá trị nhà, đất nêu trên và được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

+ Hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, một hoặc cả hai bên bà Đào Thị L, ông Hoàng Đình Th có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi căn nhà, đất số 126 đường 28, Phường 10, Quận X, Thành phố H và chia giá trị nhà, đất tại thời điểm phát mãi theo tỷ lệ được phân chia như đã nêu trên sau khi trừ các chi phí, phí, lệ phí thi hành án, đấu giá phát mãi.

Kể từ ngày người được thi hành án là bà Đào Thị L hoặc ông Hoàng Đình Th có đơn yêu cầu thi hành án gửi cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc chậm thực hiện thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về nợ chung: Bà Đào Thị L và ông Hoàng Đình Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đào Thị L đồng ý trả cho ông Hoàng Đình Th ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật các giấy tờ bản chính gồm: Giấy chứng nhận ông Hoàng Đình Th đã hoàn tất học phần MS.WORD for WINDOWS do Trường Đại học Sư phạm Thành phố H cấp ngày 25/8/1997; Giấy chứng nhận ông Hoàng Đình Th đã hoàn tất học phần ACCESS 1 do Trường Đại học Sư phạm Thành phố H cấp ngày 31/10/1997; Giấy chứng nhận ông Hoàng Đình Th đã hoàn tất học phần Điện toán căn bản: DOS – WIN3.1 do Trường Đại học Sư phạm Thành phố H cấp ngày 20/4/1998; Giấy chứng nhận ông Hoàng Đình Th đã hoàn tất học phần xử lý bảng tính (EXCEL 5.0) do Trường Đại học Sư phạm Thành phố H cấp ngày 20/4/1998; Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A do Trường Đại học Sư phạm Thành phố H cấp cho ông Hoàng Đình Th ngày 04/5/1998; Bằng tốt nghiệp Đại học do Trường Đại học Luật HN cấp cho ông Hoàng Đình Th số B08958 ngày 20/6/2000 và Chứng chỉ tốt nghiệp Khóa đào tạo nghề Luật sư do Học viện Tư pháp cấp cho ông Hoàng Đình Th số 02853/2005/LS ngày 30/9/2005.

- Chi phí thẩm định giá tài sản tranh chấp:

+ Bà Đào Thị L phải chịu 60% chi phí thẩm định giá tài sản là 9.300.000đ (Chín triệu ba trăm ngàn đồng). Bà L đã nộp đủ số tiền trên.

+ Ông Hoàng Đình Th phải chịu 40% chi phí thẩm định giá tài sản là 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Ông Th có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho bà L trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà L phải chịu nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn

đồng) bà L đã nộp theo biên lai thu số 0011584 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố H.

- Án phí dân sự sơ thẩm (Về tài sản chung): 112.622.220đ (Một trăm mười hai triệu sáu trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi đồng) bà L phải chịu nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 28.014.875đ (Hai mươi tám triệu không trăm mười bốn ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng) bà L đã nộp theo biên lai thu số 0011670 ngày 19/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố H. Bà L còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 84.607.325đ (Tám mươi bốn triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm (Về tài sản chung): 93.951.852đ (Chín mươi ba triệu chín trăm năm mươi một ngàn tám trăm năm mươi hai đồng) ông Th phải chịu.

- Án phí HNGĐ-PT: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Đào Thị L phải chịu nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010516 ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND Quận X, TP.H;
- Chi cục THADS Quận X, H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức